

# ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN - NÚT NHẤN ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ

TS. NGUYỄN THỊ THẮNG\*

**N**ghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên (SV) là một hoạt động cần thiết, không thể xem nhẹ ở các trường cao đẳng, đại học (ĐH, CĐ). Tuy nhiên, việc tổ chức, điều hành, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học (HĐNCKH) cho SV như thế nào thì không phải bất kì nhà trường nào cũng có những giải pháp thích hợp và thực sự hiệu quả. Bài viết chia sẻ một vài suy nghĩ trong quá trình triển khai công tác NCKH của SV tại Trường Cao đẳng sư phạm (CĐSP) Bắc Ninh.

1. Mục đích của HĐNCKH nhằm:

1) Hình thành và phát triển cho SV kĩ năng củng cố, tổng hợp và nâng cao kiến thức đã học.

2) Giúp SV làm quen với các phương pháp tư duy và NCKH.

3) Tạo điều kiện để SV đi sâu, tìm hiểu, nghiên cứu những vấn đề mà chuyên môn đặt ra; nâng cao chất lượng đào tạo và tự đào tạo.

4) Phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ cho đất nước; góp phần giải quyết một số vấn đề do thực tiễn đặt ra thông qua việc ứng dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật, công nghệ vào sản xuất và đời sống...

Trong Quy chế về NCKH của SV trong các trường ĐH và CĐ (1) cũng đã chỉ ra ba mục đích của NCKH là:

1) Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

2) Tiếp cận và vận dụng các phương pháp NCKH.

3) Giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn.

**2. Đẩy mạnh HĐNCKH của SV là “nút nhấn” để nâng cao chất lượng đào tạo theo tín chỉ**

Hiện nay, đa số SV ở các trường ĐH, CĐ, nhất là SV ở các trường CĐ, vốn đã quen với tâm lí thụ động, chờ đợi giảng viên (GV) cung cấp kiến thức cho mình, một hình thức “ăn sẵn” trong quá trình học tập. Do vậy, nếu đẩy mạnh HĐNCKH trong SV đồng nghĩa với việc GV đặt SV vào tình huống “có vấn đề” buộc họ phải tự thân giải quyết. Mà muốn giải quyết được vấn đề, SV

phải tự học, tự nghiên cứu, mặc dù có thể ban đầu các em chưa biết cách tự học, tự nghiên cứu như thế nào. Đây chính là “nút nhấn” đầu tiên, là “đòn bẩy” khởi động quá trình học tập, nghiên cứu của SV, khâu then chốt tạo nên chất lượng dạy và học trong nhà trường.

Mặt khác, để đẩy mạnh HĐNCKH của SV thì GV cũng phải đổi mới phương pháp giảng dạy và hình thức kiểm tra, đánh giá để phân loại được khả năng, thế mạnh của từng người... Như vậy, HĐNCKH của SV không chỉ tác động đến bản thân người học mà còn góp phần làm thay đổi nhận thức và hành động của GV trong công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho quá trình GD-ĐT.

Đối với nhà quản lí, HĐNCKH của SV cũng góp phần thúc đẩy quá trình đầu tư mới về cơ sở vật chất như: phòng học hiện đại, công nghệ thông tin, thư viện điện tử, phòng nghiên cứu chức năng, bổ sung nguồn học liệu... để phục vụ trực tiếp cho quá trình dạy học và HĐNCKH trong Trường.

Một điều không thể không nói tới là kết quả NCKH của SV. Nếu một sản phẩm NCKH nghiêm túc, có chất lượng tốt sẽ tạo nên sự hưng phấn, gây niềm say mê hứng thú tìm hiểu tri thức khoa học đối với bản thân người nghiên cứu. Không những thế, nó còn có thể là chất xúc tác để kích thích năng lực sáng tạo của người học, làm dấy lên phong trào NCKH lành mạnh trong SV, góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng lực đào tạo, khẳng định thương hiệu của nhà trường.

Chẳng hạn ở Trường ĐH Đà Nẵng, với quan điểm “NCKH trong SV là một trong những biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường”, trong những năm qua, ĐH Đà Nẵng đã khuyến khích, tạo điều kiện giúp SV làm quen với các phương pháp NCKH. Hoạt động này dần dần đã chuyển thành phong trào NCKH của SV toàn trường. Việc nghiên

\* Phó Trưởng khoa - Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh

cứu các đề tài khoa học, dự các hội nghị khoa học, tham gia cuộc thi Olympic các môn học, đặc biệt là sân chơi Robocon hàng năm đã mang lại cho SV ĐH Đà Nẵng niềm say mê nghiên cứu. “Chất lượng GD-ĐT, NCKH và chuyển giao công nghệ của ĐH Đà Nẵng đã góp phần đưa ĐH Đà Nẵng trở thành một trong những cơ sở giáo dục (GD) trọng điểm của miền Trung - Tây Nguyên và trên phạm vi cả nước, sánh ngang với các ĐH lớn ở hai đầu đất nước và các ĐH khác trong khu vực, để tiến tới đưa ĐH Đà Nẵng trở thành một ĐH nghiên cứu (Research university) vào năm 2020” (2).

Như vậy, HĐNCKH là một trong những yếu tố quyết định góp phần không nhỏ vào việc nâng cao chất lượng ĐT của nhà trường. Do vậy, các cơ sở GD đã quan tâm và đầu tư đúng mức để nâng cao chất lượng GD-ĐT trên cả nước và phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế tri thức hiện nay.

### **3. Một số biện pháp đẩy mạnh HĐNCKH của SV Trường CĐSP Bắc Ninh**

**3.1. Thay đổi nhận thức và định hướng hoạt động của SV trong học tập, nghiên cứu** là con đường ngắn nhất, hiệu quả nhất để HĐNCKH trong nhà trường thực sự đạt hiệu quả cao.

SV cần nhận thức rõ việc học là trách nhiệm và quyền lợi của bản thân nhằm chiếm lĩnh tri thức, làm giàu trí tuệ và tâm hồn mình cũng như phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai. Tham gia NCKH trong quá trình học tập tại Trường tạo cơ hội lớn cho SV được tiếp xúc với lĩnh vực chuyên môn mà mình yêu thích, rèn luyện tác phong học tập và làm việc khoa học, rèn luyện tư duy khách quan, toàn diện... hỗ trợ đắc lực cho quá trình học tập của người học; từ đó, SV sẽ tích cực, chủ động hơn trong học tập và nghiên cứu, xác định rõ mục tiêu học tập tại trường, xây dựng kế hoạch học tập phù hợp, nâng cao khả năng và ý thức tự học, tự nghiên cứu.

Nhà trường cần tuyên truyền, GD cho SV nhận thức đúng vị trí, tầm quan trọng của công tác NCKH trong việc nâng cao chất lượng, kết quả học tập; hướng dẫn SV kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, ý thức chủ động tích cực trong nghiên cứu, tìm tòi cơ hội học tập, nâng cao kiến thức thực tiễn.

Các em cần được tư vấn, hướng dẫn cách sắp xếp thời gian biểu, xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu một cách khoa học: ngoài thời gian nghe giảng trên lớp, SV cần tăng cường việc tự học ở nhà,

ở thư viện, trên internet, các nhóm học tập... để mở rộng và đào sâu kiến thức, rèn luyện kỹ năng tự đọc tài liệu ở các nguồn khác nhau. Việc tăng cường trao đổi thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu trong các nhóm học tập, các câu lạc bộ học tập cũng có ý nghĩa lớn cho công việc nghiên cứu của SV, giúp các em tích lũy kiến thức. Thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế liên quan đến nội dung bài học, SV sẽ biết gắn công việc NCKH với đời sống, mở đường cho quá trình ứng dụng các sản phẩm NCKH vào thực tiễn.

Muốn làm tốt công việc này, không thể không nói tới vai trò của các tổ chức Đoàn, Hội SV. Hội SV, Đoàn Thanh niên, Liên chi đoàn các khoa, đội ngũ cố vấn học tập... cần phối hợp tổ chức các cuộc thi, thành lập và duy trì có hiệu quả các câu lạc bộ học thuật dành cho SV (Câu lạc bộ SV NCKH, *Câu lạc bộ Toán tiểu học, Tiếng Việt tiểu học, Văn học, Hóa học*, các nhóm học tập...) nhằm tạo ra sân chơi trí tuệ để thu hút SV tham gia, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm, tích lũy kiến thức.

Chẳng hạn, tại Trường CĐSP Bắc Ninh, SV khoa GD Tiểu học - Mầm non đã tự thành lập *Câu lạc bộ Toán tiểu học*, duy trì trong hai năm gần đây. Số lượng ban đầu chỉ vài em tham gia, sau tăng lên gần 100 SV. Ngay cả những SV đã ra trường cũng tham gia sinh hoạt. Hoạt động này vừa giúp các em được rèn luyện thuần thục kỹ năng giải toán tiểu học, bồi dưỡng và nâng cao kiến thức toán tiểu học, góp phần tích cực làm thay đổi kết quả và chất lượng học tập của SV, phục vụ tốt hơn công tác giảng dạy tại các trường tiểu học sau khi ra trường.

Đây cũng là cách thiết thực để các em được rèn luyện tư duy và trải nghiệm HĐNCKH, dù mới ở những việc làm nhỏ, ban đầu.

Đa số SV nói chung còn rất bỡ ngỡ, hoặc xa lạ với HĐNCKH. Hầu hết các em đều ít hoặc chưa có khái niệm về NCKH và hay nghĩ rằng, “HĐNCKH là một việc làm rất khó thực hiện, thường chỉ dành cho những SV giỏi, xuất sắc”. Vì vậy, đội ngũ cố vấn học tập các khoa, các phòng chức năng như phòng Đào tạo, phòng Công tác HSSV... cần tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm nhằm giới thiệu, trang bị cho SV những phương pháp học tập tích cực, hiện đại; biết xác định mục tiêu, thái độ học tập, nghiên cứu đúng đắn, xây dựng kế hoạch học tập hiệu quả; tìm hiểu nguyện vọng của SV để tập hợp

những vướng mắc, khó khăn cùng tìm cách tháo gỡ, giải quyết.

### **3.2. Nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực NCKH cho đội ngũ GV, cố vấn học tập**

Để có thể giúp SV NCKH hiệu quả, đội ngũ GV hướng dẫn nhất thiết phải có năng lực chuyên môn và có kĩ năng, kinh nghiệm hướng dẫn SV NCKH. GV không chỉ là người khơi dậy ở SV niềm say mê NCKH mà còn là “tác nhân” quan trọng và trực tiếp quyết định đến sự thành bại trong NCKH của các em (từ việc đánh giá, nhìn nhận sở trường, khả năng riêng của mỗi SV đến việc định hướng cho các em cách lựa chọn đề tài phù hợp với khả năng và sở trường của mình...).

Khi tư vấn lựa chọn đề tài cho SV, GV cũng cần quan tâm đến hướng đi của đề tài, đầu ra của các sản phẩm nghiên cứu. Ví dụ: hướng triển khai đề tài đó có phù hợp với khả năng và trình độ của SV không? Nội dung đề tài có phù hợp với thực tiễn bậc học hay nghề nghiệp của SV sau này hay không? Có ứng dụng vào thực tế cuộc sống được hay không? Có thể sử dụng làm nguồn học liệu tốt cho các khóa học sau hay không? ... Điều này đòi hỏi GV hướng dẫn không chỉ có kinh nghiệm, chuyên môn vững mà còn phải thực sự có “tâm” trong nghề nghiệp, trăn trở trước sự thành bại trong học tập và nghiên cứu của SV.

Bên cạnh đó, GV, cố vấn học tập cần luôn có ý thức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn. Song song với công tác giảng dạy, GV cần tích cực tham gia NCKH để nâng cao trình độ; rèn luyện, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu; hỗ trợ cho quá trình giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu cho SV. Bộ GD-ĐT cũng đã ban hành Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT quy định số giờ NCKH của GV ĐH, CĐ bằng 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 25/3/2015. Để đáp ứng yêu cầu đó, các trường ĐH, CĐ không chỉ quy định, tạo điều kiện cho GV được NCKH mà còn cần quan tâm đến quá trình đào tạo và đào tạo lại đội ngũ GV phù hợp với thực tiễn GD hiện đại.

Công tác NCKH của GV có thể bắt đầu từ việc tập dượt viết bài cho các tạp chí chuyên ngành, viết sáng kiến kinh nghiệm hay tham gia các đề tài NCKH các cấp, phù hợp với trình độ chuyên môn của mỗi người. Đây là những tập dượt ban đầu để hình thành và củng cố, phát triển năng lực NCKH,

bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn cho GV, mở ra cánh cửa, chân trời mới cho hoạt động học tập, NCKH của SV.

### **3.3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học và nghiên cứu**

Điều kiện cơ sở vật chất cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng sản phẩm NCKH của SV. Một môi trường học tập tốt với sự đầu tư đúng mức các trang thiết bị dạy và học, hệ thống máy tính, máy chiếu, internet, phòng thí nghiệm chuyên môn, liên kết với các nhà tài trợ,... sẽ là môi trường lí tưởng để khơi mào cho HĐNCKH đạt kết quả cao.

\* \* \*

Bước vào mô hình đào tạo theo tín chỉ, HĐNCKH của SV luôn được coi là một trong những hoạt động GD đào tạo quan trọng hàng đầu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định thương hiệu của các trường ĐH, CĐ. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng sản phẩm NCKH đòi hỏi không chỉ nỗ lực của bản thân SV mà còn cần có sự góp sức của toàn thể cán bộ GV, các tổ chức đoàn, hội, đội, đặc biệt là các nhà quản lí trong việc chỉ đạo hoạt động GD-ĐT đi đúng hướng và thực sự có hiệu quả. □

(1) Quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học và cao đẳng (Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2000/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2000 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT), <http://www.siu.edu.vn/vi-VN/nghien-cuu-khoa-hoc-cua-sv/649>.

(2) <http://www.udn.vn/app/webroot/svnckh2014>.

### **SUMMARY**

*Adopting the credit training model, the student's scientific research activity is always considered one of the most important duties contributing to the improvement of training quality and positioning the brand name of the universities and colleges. Therefore, each training institution needs to have the measures to promote the scientific research of the student such as the change to the recognition and the direction of the student in learning and research; the enhancement of professional knowledge and research ability for the trainers, lecturers, learning advisors; increase in investment in infrastructure for teaching and research activities. In order to improve the quality of the research of the student, it is required not only the efforts made by the student but also the contribution made by all trainers, lecturers, all forms of Youth Union, association, group, especially the management in directing the education and training activities of the institution to the right track and with effectiveness and efficiency.*